

71. Xã Phúc Lộc

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường QL279 (đọc hai bên đường)					
1	Đoạn 1	Cầu bản Mới	Trụ sở Công an xã Hà Hiệu cũ	530	318	318
2	Đoạn 2	Trụ sở Công an xã Hà Hiệu cũ	Đầu cầu treo sang Trường học Hà Hiệu	570	342	342
3	Đoạn 3	Đầu cầu treo sang Trường học Hà Hiệu	Hết đất xã Phúc Lộc (đi xã Nà Phặc)	420	252	252
4	Đoạn 4	Đầu cầu bản Mới, xã Phúc Lộc	Cầu treo Bản Hon, xã Phúc Lộc	300	180	180
5	Đoạn 5	Cầu treo Bản Hon, xã Phúc Lộc	Hết đất xã Phúc Lộc, giáp đất xã Chợ Rã	390	234	234
II	Đường ĐT253 (212)					
1	Đoạn 1	Ngã ba cầu Bản Mới	Ngã ba đường rẽ vào Trường Tiểu học, THCS Phúc Lộc	370	222	222
2	Đoạn 2	Ngã ba rẽ vào trường Tiểu học, THCS Phúc Lộc	Ngã ba rẽ vào thôn Phiêng Chi, xã Phúc Lộc	320	192	192
3	Đoạn 3	Ngã ba rẽ vào thôn Phiêng Chi, xã Phúc Lộc	Đến hết đất xã Phúc Lộc	260	156	156
4	Đoạn 4	Ngã ba đầu nối đường QL279 (rẽ đi xã Thượng Minh)	Đầu cầu tràn thôn Vằng Kè, xã Phúc Lộc	250	150	150
5	Đoạn 5	Cầu tràn thôn Vằng Kè, xã Phúc Lộc (rẽ đi xã Thượng Minh)	Đến hết đất xã Phúc Lộc	200	120	120
	Trục phụ					
1	Đoạn 1	Ngã ba thôn Thiêng Diễm (Phúc Lộc)	Ngã ba đường 279 thôn Nà Khao, xã Phúc Lộc	220	132	132
III	Đất ở xung quanh trụ sở UBND xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ và trường học (trường chính) có khoảng cách 200m (ngoài các vị trên)			630	378	378
IV	Khu tái định cư					
1	Khu tái định cư Nà Hoi (khu TĐC mới)			200	120	120
2	Khu tái định cư Khuổi Tầu (khu TĐC mới)			200	120	120
3	Khu tái định cư Cốc Diễm (khu TĐC mới)			200	120	120
V	Các đường còn lại			126	76	76

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đất ở dọc trục đường ĐT258 (dọc hai bên đường)					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Chợ Rã dọc hai bên đường ĐT258	Ngã ba đường rẽ đi thôn Phiêng Phàng.	250	150	150
2	Đoạn 2	Ngã ba đường rẽ đi thôn Phiêng Phàng	Khe nước Nà Viên (thửa 53, tờ bản đồ số 134) dọc hai bên ĐT258	300	180	180
3	Đoạn 3	Khe nước Nà Viên (thửa 53, tờ bản đồ số 134)	Cầu Trù ĐT258	200	120	120
4	Đoạn 4	Cầu Trù ĐT258	Đến ngã ba đường rẽ đi Thạch Ngõa và hết thửa đất 488, tờ bản đồ số 267	300	180	180
5	Đoạn 5	Ngã ba đường rẽ đi Thạch Ngõa và hết thửa đất 488, tờ bản đồ số 267	Hết đất xã Thượng Minh dọc hai bên ĐT258	250	150	150
	Trục phụ					
1	Đoạn 1	Ngã ba ĐT258 cầu Trù dọc hai bên đường	Ngã ba đường rẽ lên chợ Pù Mát cũ và hết thửa đất 08, tờ bản đồ số 59	200	120	120
2	Đoạn 2	Ngã ba đường rẽ lên chợ Pù Mát cũ dọc hai bên đường	Đầu thửa đất số 81, 91, tờ bản đồ số 180 (đoạn đầu nối ĐT258)	500	300	300
3	Đoạn 3	Thửa đất 249, 253, tờ bản đồ số 54 (đoạn ngã ba đầu nối ĐT258 (cũ) đi xã Phúc Lộc)	Đến hết thửa đất số 57, 58 tờ bản đồ số 42 dọc hai bên đường	250	150	150
4	Đoạn 4	Nối tiếp thửa đất số 57, 58 tờ bản đồ số 42 dọc hai bên đường	Hết đất xã Thượng Minh dọc hai bên đường	200	120	120
II	Các đường còn lại			126	76	76

73. xã Bằng Thành

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường tỉnh lộ 258B					
1	Đoạn 1	Đỉnh đèo Kéo Pjáo	Trạm Biển áp	250	150	150
2	Đoạn 2	Trạm Biển áp	Cổng Kha Mu	290	174	174
3	Đoạn 3	Đầu cổng Kha Mu	Cầu Bó Lục	320	192	192
4	Đoạn 4	Cầu Bó Lục	Hết đất Công an xã Bằng Thành	1.250	750	750
5	Đoạn 5	Hết tường rào chợ trung tâm (nhà ông Đỗ Đình Ba)	Cổng Trường Nội trú	3.500	2.100	2.100
6	Đoạn 6	Cổng Trường Nội trú	Đường rẽ lên nhà máy nước	875	525	525
7	Đoạn 7	Đường rẽ lên nhà máy nước	Cầu Nậm Mây (Đập tràn cũ)	260	156	156
8	Đất tại các vị trí khác thuộc trục đường tỉnh lộ 258B (trừ đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch)			255	153	153
9	Đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã Giáo Hiệu (cũ) xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)			340	204	204
	Trục phụ					
1		Cầu Bó Lục	Ngã tư kho bạc cũ thuộc dự án hạ tầng trung tâm xã Bằng Thành	3.000	1.800	1.800
2		Đường 258B	Khu dân cư Nà Lặng	400	240	240
3		Ngã ba Nậm Mây (đường Bộc Bó - Cổ Linh)	Hết đất xã Bằng Thành giáp xã Cao Minh	150	90	90
II	Đường tỉnh lộ ĐT.258C					
1	Đoạn 1	Tiếp đường ngã ba Nà Diều	Cổng phụ Trung tâm y tế	1.900	1.140	1.140
2	Đoạn 2	Cổng phụ Trung Tâm y tế	Cầu 1 (Đoạn đường đi Bằng Thành)	720	432	432

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
3	Đoạn 3	Cầu 1 (Đoạn đường đi Bằng Thành)	Hết đất đồng Nà Po	220	132	132
4	Tuyến 258C đoạn từ hết đất đồng Nà Po đến hết đất xã Bằng Thành giáp đất xã Sơn Lộ (tỉnh Cao Bằng)			230	138	138
5	Đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành (cũ) xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc Tuyến 258C)			270	162	162
	Trục phụ					
1		Ngã ba trung tâm y tế	Đường tròn trung tâm xã	2.500	1.500	1.500
2		Đường từ Thẩm Én	Đầu cầu treo Tả Quang	320	192	192
III	Đất ở trung tâm xã					
1		Giáp đất công an xã Bằng Thành	Đường ngã ba Nà Diều	2.100	1.260	1.260
2		Đường ngã ba Nà Diều theo trục đường 258B	Đường lên trường tiểu học (Cổng Trường Tiểu học Bộc Bó)	2.500	1.500	1.500
3		Cổng Trường Tiểu học Bộc Bó	Ngã ba Nà Diều (đường giao thông nông thôn Đông Lèo)	1.250	750	750
4		Ngã ba bắt đầu từ cổng, dọc theo tường rào Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành	Hết tường rào Đảng ủy xã Bằng Thành (đường đi Khâu Vai)	1.500	900	900
5		Tường rào Đảng ủy xã Bằng Thành	Hết nhà ở ông Quách Văn Giai	500	300	300
6		Giáp đất nhà ông Quách Văn Giai	Ngã ba đường Bộc Bó - Cỏ Linh (Giáp xã Cao Minh)	110	66	66
7		Ngã ba Bưu điện (đất ở dọc trục đường 27m)	Hết tường rào chợ trung tâm (nhà ông Đỗ Đình Ba)	5.000	3.000	3.000
8		Ngã tư đường đi Nhận Môn	Đầu đập tràn Nà SLa	3.000	1.800	1.800
9		Đập tràn Nà SLa	Ngã ba đường Nhận Môn (Đoạn đường rẽ đi Khâu Đẳng)	700	420	420
10		Ngã ba đường Nhận Môn (Đoạn đường rẽ đi Khâu Đẳng)	Cổng Cốc Lài	320	192	192

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
11		Ngã ba đường Nhận Môn rẽ Khâu Đẳng	Cầu treo Tả Quang	320	192	192
12		Ngã ba Điện lực dọc theo đường vào Khối UBND xã Bằng Thành	Đầu ngã ba Sân vận động	1.750	1.050	1.050
13		Ngã ba bắt đầu từ cổng qua cổng trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành	Hết ngã tư chợ	4.850	2.910	2.910
14		Tường bao phía trước (ngã tư đường vào trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành)	Hết tường bao phía sau trụ sở Đảng ủy xã (đường vào Khuổi Trái)	1.500	900	900
15		Tường bao (phía sau trụ sở Đảng ủy xã)	Giáp đường vào Khuổi Trái	750	450	450
16		Đoạn từ đầu đường (ngã tư sau Kho bạc cũ)	Cổng trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Bộc Bó (Cũ)	1.800	1.080	1.080
17	Đường thuộc dự án hạ tầng khu dân cư (sau Kho bạc cũ, song song đường 27m)			2.400	1.440	1.440
18	Đất ở các tuyến đường cắt ngang đường 27m vào khu vực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành			1.800	1.080	1.080
19	Đất ở lô 2 khu dân cư xã Bằng Thành			2.200	1.320	1.320
20	Đất ở vị trí khác chưa nêu ở trên trong khu trung tâm xã			350	210	210
IV	Các vị trí còn lại					
1	Đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nhận Môn (cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)			255	153	153

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
2	Đất ở còn lại thuộc các trục đường liên xã			110	66	66
3	Các đường còn lại			100	60	60

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Tuyến đường 258B					
1	Đoạn 1	Cổng Thôm Măng gần Trạm Kiểm lâm (Km2+630)	Hết đất nhà bà Đinh Thị Luyến thôn Khuổi Muồng (Km3+500)	150	90	90
2	Đoạn 2	Giáp đất nhà bà Luyến thôn Khuổi Muồng (Km3+500)	Cổng suối Nà Vài (Km9+800) (Trừ Đất ở xung quang Trụ sở UBND xã Nghiên Loan, xung quanh Bưu điện xã, Công an xã, trường học (trường chính), trạm y tế xã có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch)	330	198	198
3	Đoạn 3	cổng suối Nà Vài (Km9+800)	cổng Lồng Pạo (thôn Thôm Mèo) (Km16+780)	150	90	90
4	Đoạn 4	cổng Lồng Pạo (thôn Thôm Mèo) (Km16+780)	đầu đường rẽ vào thôn Khuổi Khi (Km20+240) (Không tính Đất ở xung quanh Công an xã, nhà Văn hóa xã (Xã Xuân La cũ) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch	255	153	153
5	Đoạn 5	ngã ba đầu đường rẽ thôn Khuổi Khi (Km20+240)	đỉnh đèo Kéo Pjảo (giáp đất xã Bằng Thành) (Km20+920)	150	90	90
6	Đất ở xung quang Trụ sở UBND xã Nghiên Loan xung quanh Bưu điện xã, Công an xã, trường học (trường chính), trạm y tế xã có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)			420	252	252
7	Đất ở xung quanh Công an xã, nhà Văn hóa xã (Xã Xuân La cũ) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)			340	204	204
	Trục phụ					
1		Đường vào Chợ Bò từ Cổng vào(Đập Trần)	cổng ra (Cổng chào chợ đêm) và từ chợ Bò đến nhà ông Bàn Văn Ngải	2.000	1200	1.200
2		Đoạn từ nhà ông Bàn Văn Ngải	Ngã ba cổng trào thôn Khuổi Ún	150	90	90
II.	Các trục đường trong xã					
1	Đất ở xung quanh trụ sở UBND xã An Thắng cũ,			255	153	153

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	xung quanh Bưu điện xã và trường học (trường chính), công an xã, trạm y tế có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)					
2	Đất ở xung quanh trụ sở UBND xã Xuân La cũ, xung quanh trường học (trường chính), trạm y tế có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)			255	153	153
3	Đất ở xung quanh chợ Bò trong phạm vi 50m tính từ ranh giới quy hoạch chợ Bò (Trừ đất từ Đường vào Chợ Bò từ Cổng vào(Đập Tràn) đến cổng ra (Cổng chào chợ đêm) và từ chợ Bò đến nhà ông Bàn Văn Ngải)			1.500	900	900
4		Đoạn Ngã ba đèo Yêu đi Khuổi Tuồn	Ngã ba rẽ đường An Thắng cũ	120	72	72
5		Từ ngã ba đường đập tràn rẽ vào xã An Thắng cũ	Bờ suối thôn Nà Mòn	120	72	72
6	Các trục đường (liên xã) còn lại			100	60	60
7	Các đường còn lại			80	48	48

75. Xã Cao Minh

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Tuyến đường 258B					
1	Đoạn 1	Giáp ranh xã Ba Bể tại Vằng Khèng (Km62+1200) thôn Phiêng Puốc	Ngã ba đường Chẻ Pang thôn Đuông Nưa (Km57+950)	200	120	120
2	Đoạn 2	Đoạn đường Ngã ba Chẻ Pang thôn Đuông Nưa (Km57+950)	đỉnh đèo Kéo Sáng (Km57+400)	150	90	90
3	Đoạn 3	Đoạn từ đỉnh đèo Kéo Sáng (Km57+400)	ngã ba đường Công Bằng - Nặm Mây (Km 54+250)	250	150	150
4	Đoạn 4	ngã ba đường rẽ đi Công Bằng - Nặm Mây (Km54+250)	Thăm Lạo Đào (Km50+650, Thôn Khuổi Trà)	170	102	102
5	Đoạn 5	Thăm Lạo Đào (Km50+650, Thôn Khuổi Trà)	Km48+550 (Thôn Thôm Niêng)	100	60	60
6	Đoạn 6	Km48+550 (Thôn Thôm Niêng)	đất xã Cao Minh Km41+950 (thôn Hưng Thịnh) giáp ranh xã Bằng Thành	200	120	120
	Trục phụ					
1		Đoạn từ ngã ba Phiêng Puốc Km0+00 (Km62+116-Đường tỉnh ĐT258B)	Km1+550 hết địa phận đất xã Cao Minh (giáp ranh đất xã Ba Bể)	200	120	120
2		ngã ba đường rẽ đi Công Bằng - Nặm Mây (Km 54+250)	đỉnh đèo Khâu Vai (Km4+90- đường từ xã Cao Minh đi xã Bằng Thành) giáp xã Bằng Thành	150	90	90
3		Km48+200 đường tỉnh ĐT258B (Km0+00 đường từ Bản Sát Si- Cốc Lùng), thôn Thôm Niêng	khu tái định cư đồng bào người Mông Km1+500 (thôn Lùng Phặc)	180	108	108
4		Đoạn từ khu tái định cư đồng bào người Mông Km1+500 (thôn Lùng Phặc)	Km3+300 (Thôn Lùng Phặc)	100	60	60
5		Km3+300 (Thôn Lùng Phặc)	Km4+100 (Cổng chào khu vực Mù Là)	400	240	240
II	Các đường còn lại					
1	Đất ở xung quanh trụ sở Đảng Ủy, HĐND xã, Ủy ban nhân dân xã Cổ Linh cũ, xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính), Trạm y tế có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)			280	168	168
2	Đất ở xung quanh trụ sở Đảng Ủy, HĐND xã, Ủy ban nhân dân xã Cao Tân cũ, xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính), Trạm y tế có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)			255	153	153
3	Đất ở xung quanh trụ sở Đảng Ủy, HĐND xã, Ủy ban nhân dân xã Công Bằng cũ, xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính), Trạm y tế có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)			255	153	153
4	Các đường còn lại			60	36	36

76. Xã Thượng Quan

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục Đường ĐT 252B	Từ giáp đất Ngân Sơn	Giáp đất xã Hiệp Lực			
1	Đoạn 1	Từ giáp đất xã Ngân Sơn	Ngã ba đường rẽ vào Nà Kéo	250	150	150
2	Đoạn 2	Ngã ba đường rẽ vào Nà Kéo	Hết đất nhà ông Nông Công Chiến	350	210	210
3	Đoạn 3	hết đất nhà ông Nông Công Chiến thôn Nà Ngần	Hết đất nhà ông Nông Văn Ủy thôn Pù Áng	400	240	240
4	Đoạn 4	Hết đất nhà ông Nông Văn Ủy thôn Pù Áng	Đường rẽ đi thôn Cốc Lùng, Pác Đa	300	180	180
5	Đoạn 5	Đường rẽ đi thôn Cốc Lùng, Pác Đa	Giáp đất xã Hiệp Lực	250	150	150
II	Các đường còn lại					
1	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			120	72	72
2	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$			100	60	60
3	Đất ở nông thôn còn lại chưa nêu ở trên			90	54	54

77. Xã Bằng Vân

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục đường QL3	Giáp đất xã Ngân Sơn	Hết đất xã Bằng Vân			
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Ngân Sơn	Đường rẽ khu A,B	1.500	900	900
2	Đoạn 2	Ngã ba rẽ khu A, B	Ngã ba đường rẽ ĐT251	2.000	1.200	1.200
3	Đoạn 3	Ngã ba đường rẽ ĐT251	Đường rẽ mỏ đá (Pù Mò)	1.500	900	900
4	Đoạn 4	Đường rẽ mỏ đá (Pù Mò)	Cua Bật Bông	500	300	300
5	Đoạn 5	Cua Bật Bông	Hết đất xã Bằng Vân	250	150	150
	Trục phụ					
1	Đường từ (QL3) (cách 20m) tại địa phận thôn Pù Mò đến tiếp giáp đường lên trụ sở UBND xã			390	234	234
2	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến thôn Bản Duối (xã Ngân Sơn)			300	180	180
3	Đường từ (QL3) cách 20m đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bằng Vân			390	234	234
4	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 20m rẽ vào Đồng Chót (cũ) đến đường ĐT251			300	180	180
II	Trục đường 251	KM0 đường ĐT251	Giáp đất xã Ngân Sơn			
1	Đoạn 1	Từ KM0 đường ĐT251 (cách 20m)	Đường rẽ đi Đồng Chót (cũ)	350	210	210
2	Đoạn 2	Đường rẽ đi Đồng Chót (cũ)	Cầu Nà Hin	250	150	150
3	Đoạn 3	Cầu Nà Hin	nhà ông Nông Văn Tuấn	300	180	180
4	Đoạn 4	nhà ông Nông Văn Tuấn	Giáp đất xã Ngân Sơn	250	150	150
III	Các đường còn lại					
1	Các trục đường liên thôn còn lại			100	60	60
2	Đất ở nông thôn các xã còn lại chưa nêu ở trên			90	54	54

78. Xã Ngân Sơn

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục QL3	Giáp đất xã Nà Phặc	Hết địa phận xã Ngân Sơn (giáp xã Bằng Vân)			
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Nà Phặc	Đường rẽ xóm Cốc Lùng	700	420	420
2	Đoạn 2	Đường rẽ xóm Cốc Lùng	Từ đường rẽ vào khu sản xuất Lãng Đồn (Nhà bà Hoàng Thị Duyên)	350	210	210
3	Đoạn 3	Từ đường rẽ vào khu sản xuất Lãng Đồn (Nhà bà Hoàng Thị Duyên)	Đầu đường chánh HCM	600	360	360
4	Đoạn 4	Đầu đường chánh HCM	Trường tiểu học Vân Tùng			
4.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất			2.600	1.560	1.560
4.2	Các khu vực còn lại			1.500	900	900
5	Đoạn 5	Trường tiểu học Vân Tùng	Nhà ông Lương Văn Thành	1.300	780	780
6	Đoạn 6	Nhà ông Lương Văn Thành	Đường rẽ đi Cốc Đán	2.000	1.200	1.200
7	Đoạn 7	Đường rẽ đi Cốc Đán	Km 214+150 (Hết xưởng vật liệu ông Thông)	1.500	900	900
8	Đoạn 8	Km 214+150 (Hết xưởng vật liệu ông Thông)	Đường rẽ Nà Châm Slam Linh	400	240	240
9	Đoạn 9	Đường rẽ Nà Châm Slam Linh	Hết đất nhà ông Lý Minh Chiến	650	390	390
10	Đoạn 10	Hết đất nhà ông Lý Minh Chiến	Hết địa phận xã Ngân Sơn (giáp xã Bằng Vân)	300	180	180
	Trục phụ					
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên Trường Nội trú			750	450	450
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn			650	390	390
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường (Đoạn từ cổng Công an xã)			500	300	300
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m qua nghĩa trang - lâm trường đến đường bê tông rẽ lên khu sản xuất nhà ông Chu Văn Đô			1.600	960	960
5	Từ đường bê tông rẽ lên khu sản xuất nhà ông Chu Văn Đô đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Nì (cách lộ giới QL3 20m)			1.150	690	690
6	Trục đường ĐT 252B - xã Bằng Vân	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m	Hết địa phận xã Ngân Sơn (giáp xã Bằng Vân)			

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
6.1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến đường rẽ vào trạm nước sạch			500	300	300
6.2	Từ đường rẽ vào trạm nước sạch đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Túc (thôn Tân Ý 2)			200	120	120
6.3	Từ nhà ông Hoàng Văn Túc đến cổng thôn Nà Ngàn			150	90	90
6.4	Từ cổng thôn Nà Ngàn đến ngã ba rẽ vào Bản Xù			200	120	120
6.5	Từ ngã ba rẽ vào Bản Xù đi dọc đường vào 300m			300	180	180
6.6	Từ ngã ba rẽ vào Bản Xù đến đầu cầu Cốc Đán			500	300	300
6.7	Từ đầu cầu Cốc Đán đến nhà văn hóa thôn Khuải Diễn			250	150	150
6.8	Từ nhà văn hóa thôn Khuải Diễn đến hết đất xã Ngân Sơn			150	90	90
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến cách lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng là 20m			650	390	390
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên khu chợ mới, chợ cũ đến ngã ba (nhà ông Hiếu)			800	480	480
9	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê			500	300	300
10	Trục đường ĐT 252B - hết địa phận xã Ngân Sơn (giáp xã Quang Trọng)	Cách lộ giới (QL3) cách 20m	Hết địa phận xã Ngân Sơn (theo đường ĐT252 giáp xã Quang Trọng)			
10.1	Từ cách lộ giới (QL3) cách 20m đến hết đất nhà ông Lý Văn Hoàng (ĐT252)			400	240	240
10.2	Từ nhà ông Lý Văn Hoàng đến hết địa phận xã Ngân Sơn (theo đường ĐT252 giáp xã Quang Trọng)			300	180	180
11	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất thôn Bản Duối (giáp xã Bằng Vân)			300	180	180
12	Từ cách lộ giới QL3 20m đi vào hồ Bản Chang đến đập hồ Bản Chang			300	180	180
13	Từ ngã ba QL3 đường Nghĩa Trang - Lâm Trường qua Nà Slác đến hết tuyến.			400	240	240
14	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng			450	270	270
III	Các đường còn lại					
1	Khu vực trung tâm các xã cũ			220	132	132
2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			120	72	72
3	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$			100	60	60
4	Đất ở nông thôn còn lại chưa nêu ở trên			90	54	54

79. Xã Nà Phặc

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục đường QL3	Giáp đất xã Hiệp Lực	Hết đất xã Nà Phặc			
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Hiệp Lực	Giáp ngã ba Cốc Tào (nhà bà Phạm Thị Dừng)	600	360	360
2	Đoạn 2	Ngã ba Cốc Tào (nhà bà Phạm Thị Dừng)	Ngã ba tránh điểm đen (nhà ông Hoàng Văn Cẩn)	1.500	900	900
3	Đoạn 3	Ngã ba tránh điểm đen (nhà ông Hoàng Văn Cẩn)	Cầu Bản Mạch	500	300	300
4	Đoạn 4	Cầu Bản Mạch	Hết đất xã Nà Phặc	400	240	240
	Trục phụ					
1	Đường đi thôn Nà Này	Cách lộ giới đường (QL3) cách 20m	Hết đất thôn Nà Này	300	180	180
2	Đường đi Phòng khám Đa khoa Nà Phặc	Cách lộ giới đường (QL3) cách 20m	Phòng khám Đa khoa Nà Phặc	550	330	330
3	Đường đi nhà hợp thôn khu 3	Cách lộ giới đường (QL3) cách 20m	Nhà hợp thôn khu 3	300	180	180
4	Đường đi vào cầu Nà Khoang	Cách lộ giới đường (QL3) cách 20m	Cầu Nà Khoang	250	150	150
5	Cách lộ giới đường (QL3) cách 20m đi chợ Nà Phặc			500	300	300
II	Trục đường HCM	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m Ngã ba Cốc Tào	cách lộ giới (đường HCM) là 20m ngã ba Nà Khoang	500	300	300
III	Trục đường QL279	Ngã ba Nà Phặc cách lộ giới (QL3) cách 20m	Hết đất xã Nà Phặc			
1	Đoạn 1	Ngã ba Nà Phặc cách lộ giới (QL3) cách 20m	Hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	1.500	900	900
2	Đoạn 2	Hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	Cầu cốc pái	600	360	360
3	Đoạn 3	Cầu Cốc Pái	Hết đất xã Nà Phặc	300	180	180
	Trục phụ					
1	Cách Lộ giới đường (QL279) 20m (đường Nà Duồng - Khuổi Tinh)			250	150	150
2	Từ lộ giới (QL 279) cách 20m theo trục đường tránh xử lý điểm đen đến QL3 cách lộ giới 20m			1.200	720	720
3	Từ QL 279 hướng đi vào trụ sở UBND xã Nà Phặc cơ sở 2			220	132	132
VI	Các đường còn lại					
1	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			135	81	81
2	Các trục đường liên thôn			125	75	75
3	Các vị trí còn lại thuộc thôn vùng cao: thôn Bản Mạch, Phia Đẳng, Lũng Lịa, Lũng Chang, Bản Phạc, Phiêng Sảng, Càng Cào, Bản Phẳng, Nà Pán 1, Bản Hòa, Nà Chúa			100	60	60
4	Các vị trí còn lại thuộc thôn vùng thấp: Thôn Khu 1, Khu 2, Khu 3, Bản Cây, Bản Hòa, Cốc Tào, Nà Pán, Nà Này, Nà Duồng, Nà Lâm, Nà Kềng, Cốc Pái, Nà Khoang, Nà Nội, Công Quán			120	72	72

80. Xã Hiệp Lực

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục QL3	Giáp ranh xã Phú Thông	Giáp ranh xã đất Nà Phặc			
1	Đoạn 1	Giáp ranh xã Phú Thông	Km 182 + 400 (Chân đèo Giàng)	250	150	150
2	Đoạn 2	Km 182 + 400 (Chân đèo Giàng)	Km 184 +450	600	360	360
3	Đoạn 3	Km 184 +450	Km 184 + 920 (nhà ông Quynh)	1.400	840	840
4	Đoạn 4	Km 184 + 920 (nhà ông Quynh)	Km 186 +250 (xưởng cơ khí)	600	360	360
5	Đoạn 5	Km 186 +250 (xưởng cơ khí)	Giáp ranh xã đất Nà Phặc	250	150	150
	Trục phụ					
1	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu Slam Pác			150	90	90
2	Từ cầu Slam Pác đến QL279			130	78	78
3	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu Bản Khét			150	90	90
4	Từ cầu Bản Khét đến trường học thôn Khuổi Luông			150	90	90
5	Đường từ cách 50m đến Ủy ban nhân dân xã Hiệp Lực mới			130	78	78
6	Đường từ cầu Lãng Hương đến đường Nà Lạn - Slam Pác			130	78	78
II	Trục QL279	Giáp ranh xã Văn Lang	Ngã ba cách lộ giới (QL3) 20m			
1	Đoạn 1	Giáp ranh xã Văn Lang	Cầu Nà Chúa	150	90	90
2	Đoạn 2	Cầu Nà Chúa	Km279+860	300	180	180
3	Đoạn 3	Km279+860	Km 281 + 300 (nhà ông Trịnh Văn Quỳnh)	1.500	900	900
4	Đoạn 4	Km 281 + 300 (nhà ông Trịnh Văn Quỳnh)	cầu Nà Mu	450	270	270
5	Đoạn 5	cầu Nà Mu	Km 284 + 150 (thôn Khuổi Tục)	350	210	210
6	Đoạn 6	Km 284 + 150 (thôn Khuổi Tục)	Km 287 (thôn Nà Nặc)	150	90	90
7	Đoạn 7	Km 287 (thôn Nà Nặc)	Km 290 + 300 (nhà ông Hoàng Văn Thắng)	230	138	138
8	Đoạn 8	Km 290 + 300 (nhà ông Hoàng Văn Thắng)	Km 291 + 250 (nhà bà Long Thị Hương)	550	330	330
9	Đoạn 9	Km 291 + 250 (nhà bà Long Thị Hương)	Km 293 + 700 (nhà bà Hoàng Thị Tuyết)	200	120	120
10	Đoạn 10	Km 293 + 700 (nhà bà Hoàng Thị Tuyết)	Km 296 +400 (thôn Nà Vải)	150	90	90

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
11	Đoạn 11	Km 296 +400 (thôn Nà Vài)	Km 297 + 500 (Nhà văn hóa thôn Nà Vài)	120	72	72
12	Đoạn 12	Km 297 + 500 (Nhà văn hóa thôn Nà Vài)	Ngã ba cách lộ giới (QL3) 20m	200	120	120
	Trục phụ					
1	Đoạn từ đường QL279 cách 20m đến hết đường nội bộ thôn Khu Chợ			850	510	510
2	Từ ngã ba Bản Giang (ĐT252) đến hết đất Hiệp Lực (giáp xã Thượng Quan)			150	90	90
III	Các đường còn lại					
1	Đoạn từ nhà ông Dịch Xuân Bồng đến hết đất thôn Bản Mới			150	90	90
2	Đoạn từ ngã ba Phiêng Pục đến thôn hết đất Khuổi Ổn			120	72	72
3	Đường Khu Chợ - Bản Bắg đoạn từ đất nhà ông Đình Thiện Cương đến cầu Bản Bắg			250	150	150
4	Đường Khu Chợ - Bản Bắg đoạn từ cầu Bản Bắg đến hết đất nhà bà Đình Thị Xuyên (thôn Bản Bắg)			120	72	72
5	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			120	72	72
6	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$			100	60	60
7	Đất ở nông thôn các xã còn lại chưa nêu ở trên			90	54	54

81. Xã Văn Lang

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 279					
1	Đoạn 1	Giáp đất Na Rì	Cầu Khuổi Slúng	200	120	120
2	Đoạn 2	Cầu Khuổi Slúng	Nhà văn hóa Bản Kén	330	198	198
3	Đoạn 3	Nhà văn hóa Bản Kén	Hết đất Văn Lang cũ (đi Hiệp Lực)	280	168	168
4	Đoạn 4	Giáp đất xã Văn Lang cũ	Cầu Nà Làng	80	48	48
5	Đoạn 5	Cầu Nà Làng	Trạm kiểm lâm Khau Pi	70	42	42
	Trục phụ					
1		Ngã ba QL279	Ngã ba thôn Nà Dương			
1.1		Ngã ba QL279	Trụ sở ban quản lý khu dự trữ thiên nhiên Kim Hỷ	220	132	132
1.2		Trụ sở ban quản lý khu dự trữ thiên nhiên Kim Hỷ	Cầu Ân Tình	120	72	72
1.3		Đầu cầu Ân Tình	Ngã ba thôn Nà Dương	90	54	54
1.5	Khu định cư Khuổi Sáp - Nà Hiu			70	42	42
2		Từ ngã ba QL279 vào chợ cũ	HTX Thẩm Lượng	85	51	51
3		Từ QL279 đi Khau Lạ	Gốc Trám	70	42	42
4		Từ khe nước Khuổi Trà	Hết nhà văn hóa thôn Quốc Tuấn	70	42	42
5		Từ ngã ba trạm y tế Kim Hỷ	Đến đầu bản Kẹ cũ	70	42	42
II	Các đường còn lại			60	36	36

82. Xã Cường Lợi

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 3B					
1	Đoạn 1	Từ đường tròn xã Cường Lợi	Hết đất nhà ông Chương	800	480	480
2	Đoạn 2	Từ giáp đất nhà ông Chương	Hết đất nhà ông Năng	500	300	300
3	Đoạn 3	Từ giáp đất nhà ông Năng	Hết đất nhà ông Cẩm	300	180	180
4	Đoạn 4	Từ giáp đất nhà ông Cẩm	Đình Kéo Sliếc	240	144	144
5	Đoạn 5	Từ giáp đình Kéo Sliếc	Cổng xây nhà ông Hồng	170	102	102
6	Đoạn 6	Từ giáp Cổng xây nhà ông Hồng	Cổng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Cường Lợi	270	162	162
7	Đoạn 7	Từ giáp cổng trường tiểu học và THCS Cường Lợi	Cổng thủy lợi Bó Nạc (Nà Chè)	270	162	162
8	Đoạn 8	Từ cổng Bó Nạc (Nà Chè)	Nhà ông Du (Nà Nưa)	130	78	78
9	Đoạn 9	Từ nhà ông Du (Nà Nưa)	Đình Khau Khem (hết đất xã Cường Lợi)	110	66	66
10	Đoạn 10	Đình Khau Khem (hết đất Cường Lợi)	Đường rẽ Nà Pèng (đường đi Khau Khem - Quốc lộ 3b cũ)	100	60	60
11	Đoạn 11	Đường rẽ Nà Pèng (đường đi Khau Khem - Quốc lộ 3b cũ)	Cổng trường tiểu học và THCS Cường Lợi	120	72	72
	Trục phụ					
1		Từ đường tròn xã Cường Lợi	Nhà văn hóa Nà Khun cũ	170	102	102
2		Từ Nhà văn hóa Nà Khun cũ	Đình Khau Trường	70	42	42
3		Từ ngã ba Nà Tâng	Cổng Thôm Bon (đường đi xã Văn Vũ cũ)	200	120	120
4		Cổng Thôm Bon	Cầu Nà Khưa	150	90	90
5		Đoạn từ cầu Nà Khưa	Ngầm Khuổi Khuông thôn Thôm Khinh	80	48	48
6		Từ cầu Nà Bua đi qua ngã Tổng quân	Cầu Nà Tà	70	42	42
7		Từ ngầm Khuổi Khuông	Hết nhà ông Cang (Thôm Khinh)	100	60	60
8		Từ giáp đất nhà ông Cang (Thôm Khinh)	Đất nhà ông Hoàng Văn Giang, thôn Hoa Lư	70	42	42
9		Từ Chợ Văn Vũ (cũ)	Cầu Bắc Ái, thôn Khuổi Vạc	70	42	42
10		Từ ngã ba trường tiểu học và trung học cơ sở Cường Lợi	Hết Trạm Y tế xã	240	144	144
11		Từ Trạm Y tế xã	Cổng Nà Lùng thôn	120	72	72

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
			Pò Nim			
12		Từ cổng Nà Lùng	Nhà bà Lả thôn Pò Nim	110	66	66
13		Từ nhà bà Lả	Ngã ba Nà Nưa (nhà ông Cầm)	100	60	60
14		Từ nhà ông Du (Nà Nưa)	Thôn Nặm Dăm cũ (hết đất xã Cường Lợi)	100	60	60
15		Từ Nà Piat	Hết đất Cường Lợi giáp ranh xã Na Rì (Kim Lư cũ)	80	48	48
II	Các đường còn lại			60	36	36

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 3B					
1	Đoạn 1	Ngã tư đường đi xã Cường Lợi	Đầu Cầu Tranh phía Bắc	2.100	1.260	1.260
2	Đoạn 2	Cầu Tranh phía Nam	Đường rẽ vào nhà bà Nguyễn	2.000	1.200	1.200
3	Đoạn 3	Giáp đường rẽ vào nhà bà Nguyễn	Hết đất nhà ông Sơn	1.200	720	720
4	Đoạn 4	Giáp đất nhà ông Sơn	Chân dốc Đông Hè (hết đất nhà ông Trường)	2.000	1.200	1.200
5	Đoạn 5	Chân dốc Đông Hè (giáp đất nhà ông Trường)	Cầu Cốc Phát	1.000	600	600
6	Đoạn 6	Cầu Cốc Phát	Cầu Tà Pải	180	108	108
7	Đoạn 7	Cầu Tà Pải	Cổng xây nhà ông Thành (xưởng cưa)	450	270	270
8	Đoạn 8	Cổng xây nhà ông Thành (xưởng cưa)	Hết đất xã Na Rì	120	72	72
	Trục phụ					
1	Từ cổng chợ Đầu Mối đi vào nhà khách (tuyến nhánh)			1.200	720	720
2		Giáp đất nhà bà Học Thu	Hết đất bà Lương Thị Thử	600	360	360
3		Ngã ba Khưa Slen	Sân Vận động Pò Đồn	450	270	270
1		Ngã ba ông Lú	Cầu treo ông Thành (Nà Hin), Trường Mầm non và cổng Trạm cấp nước sinh hoạt	120	72	72
4		Ngã ba Ủy ban nhân dân thị trấn	Sân Vận động Pò Đồn	150	90	90
2		Ngã ba ông Trung	Hết nhà ông Trường (Đồn Tắm)	110	66	66
5		Ngã ba QL 3B đi Nà Pàng	Giáp suối	100	60	60
6		Ngã ba ông Luật	Đến đường rẽ (đường đi Nà Nôm)	170	102	102
7		Từ ngã tư đường Phía Tây qua Thôm Pục	Đến đường rẽ (đường đi Nà Nôm)	170	102	102
III	Các tuyến đường tránh QL3B					
1		Ngã tư Y Ba (qua xã Kim Lư cũ)	Ngã tư đường đi xã Cường Lợi	800	480	480
2	Đường tránh phía Tây:	Ngã tư Y Ba	Hết bể xử lý nước thải số 01	800	480	480
	Trục phụ					
1		Ngã ba Thanh Bình đi Bản Cháng	Ngã ba đường đi Bản Đang	190	114	114
2		Ngã ba Pò Khiển đi Khuổi Ít	Cổng mương Co Tào	130	78	78
3		Ngã ba công phụ	Giáp QL3B	150	90	90

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		Bệnh viện di Mò Lềng				
II	Quốc lộ 279					
1	Đoạn 1	đất nhà ông Tam	Ngã tư Sơn Thành (đi Khuổi Luông)	180	108	108
2	Đoạn 2	Ngã tư Sơn Thành	Km13	270	162	162
3	Đoạn 3	Km13	Hết đất xã Na Rì (hết đất Sơn Thành cũ)	100	60	60
IV	Các trục đường phố cổ					
1	Đoạn 1	Ngã ba đường rẽ vào công phụ Đảng Ủy xã Na Rì	Ngã ba (hết đất nhà ông Hoan Hường)	1.200	720	720
2	Đoạn 2	Cầu cứng Hát Deng đi qua công phụ trụ sở Đảng Ủy xã Na Rì	Công Trường Nội trú	600	360	360
3	Đoạn 3	Ngã tư phố cổ	Đường rẽ đi động Nàng Tiên	1.200	720	720
4	Đoạn 4	Tuyến chính đường nội thị	Giáp đường tránh quốc lộ 3B (đoạn xã Kim Lư cũ)	1.200	720	720
5	Đoạn 5	Tuyến nhánh đường nội thị	Công Nhà Khách xã Na Rì	1.200	720	720
6	Đoạn 6	Tuyến chính nội thị	Hết đất khu dân cư phía Bắc cầu Hát Deng	1.100	660	660
7	Đoạn đường rẽ sau Bến xe khách			1.200	720	720
	Trục phụ					
1		Ngã ba đường rẽ đi động Nàng Tiên	Sân động Nàng Tiên	320	192	192
2	Đường Kim Lư - Sơn Thành cũ					
2.1		Ngã ba đi Động Nàng Tiên	Cầu Khuổi Diễm	290	174	174
2.2		Tiếp từ cầu Khuổi Diễm	QL279	90	54	54
V	Trục đường vành đai					
1	Đoạn 1	Ngã tư đường nội thị đi qua đất Chi nhánh Điện	Giáp khu dân cư chợ cũ	1.200	720	720
2	Đoạn 2	Ngã ba đường nội thị qua sau Chi cục Thuế cũ	Ngã ba đường đi ngầm	1.200	720	720
3	Đoạn 3	Ngã tư đường nội thị qua sau Huyện đội cũ	Ngã ba công trụ sở CA xã Na Rì	1.200	720	720
4	Đoạn 4	Ngã ba công trụ sở Công an xã Na Rì qua trung tâm y tế	Đường tránh QL 3B	1.200	720	720
5	Đoạn 5	Ngã ba công trụ sở Công an xã Na Rì	Ngã tư Trung tâm Văn hóa và đền công UBND xã	1.800	1.080	1.080
6	Đoạn 6	Ngã tư đường nội	Chân cầu Hát Deng	1.500	900	900

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		thị qua cổng trường tiểu học Yên Lạc				
7	Đoạn 7	Ngã ba đường nội thị vào Bản Pò	Đường tránh phía Tây	800	480	480
8	Đoạn 8	Ngã ba đường nội thị đi Thôm Pục	Đường tránh phía Tây	500	300	300
VI	Khu dân cư chợ cũ xã Na Rì					
1		Ngã tư Nhà văn hóa	Đường đi ngầm	1.500	900	900
2		Ngã ba (QL3B) qua bờ kè	Giáp đường nội thị phía Tây	1.800	1.080	1.080
3		Ngã tư đèn tín hiệu giao thông	Bể xử lý nước thải số 1	1.700	1.020	1.020
4	Các lô đất còn lại trong khu dân cư chợ cũ			1.600	960	960
VII	Các khu vực còn lại					
1	Các trục đường chưa nêu ở trên thuộc Thị trấn Yên Lạc cũ					
1.1	Các trục đường chưa nêu ở trên có mặt đường > 03m (thuộc địa phận thị trấn Yên Lạc cũ)			400	240	240
1.2	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên (thuộc địa phận thị trấn Yên Lạc cũ)			300	180	180
2	Các đường còn lại			80	48	48

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 3B					
1	Đoạn 1	Địa phận Côn Minh (giáp Trần Phú)	cầu Quang Phong	100	60	60
2	Đoạn 2	Cầu Quang Phong	Cầu Khuổi Pạ	150	90	90
3	Đoạn 3	Cầu Khuổi Pạ	đoạn của Khuổi Bư	300	180	180
4	Đoạn 4	Đoạn của Khuổi Bư	Điểm trường Tiểu học Bản Lài	100	60	60
5	Đoạn 5	Từ Điểm trường Tiểu học Bản Lài	Đường rẽ vào xóm Bản Đàng	120	72	72
6	Đoạn 6	Đường rẽ vào xóm Bản Đàng	Hết đất xã Côn Minh	100	60	60
7	Đoạn 7	Từ cầu Côn Minh (Km107+100)	Ngã ba Chợ (đoạn tránh QL3B)	300	180	180
	Trục phụ					
1		Từ ngã ba Chợ đi xã Cao Sơn	Cốc Mị (Nhà VH thôn Bản Cuôn cũ)	200	120	120
2		Từ Cốc Mị (Nhà VH thôn Bản Cuôn cũ)	Hết địa phận xã Côn Minh	100	60	60
II	Đường tỉnh 256					
1	Đoạn 1	Giáp đất xã Xuân Dương	Hết đất nhà ông Trích	70	42	42
2	Đoạn 2	Từ cổng cạnh nhà ông Trích	Cầu Nà Giàu	100	60	60
3	Đoạn 3	Từ cầu Nà Giàu	Giáp đất Trần Phú	70	42	42
	Trục phụ					
1	Đường liên thôn Rầy Ôi - Khuổi Kheo	Toàn tuyến		60	36	36
III	Đường Quang Phong - Đồng Xá					
1	Đoạn 1	Từ cầu sắt (Nà Bốc)	Chân dốc Kéo Khoác	100	60	60
2	Đoạn 2	Từ chân dốc Kéo Khoác	Hết địa phận xã (giáp xã Xuân Dương)	90	54	54
	Trục phụ					
1		Từ ngã ba Nà Phước	Cổng Trường Mầm non Quang Phong	90	54	54
2		Từ cổng Trường Mầm non Quang Phong	Cổng Khuổi Muồng	80	48	48
3		Từ cổng Khuổi Muồng	Cầu Khuổi Thiễn	70	42	42
4		Từ ngã ba Nà Hên	Ngã ba Cốc phường	90	54	54
IV	Các đường còn lại			60	36	36

85. Xã Trần Phú

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Quốc lộ 3B					
1	Đoạn 1	Kéo Cặp	Cổng thoát nước giáp đất ông Nguyễn Văn Minh (Cư Lễ)	200	120	120
2	Đoạn 2	Cổng thoát nước giáp đất ông Nguyễn Văn Minh (Cư Lễ)	Cầu Cư Lễ II	320	192	192
3	Đoạn 3	Cầu Cư Lễ II	Cầu Cư Lễ I	200	120	120
4	Đoạn 4	Cầu Cư Lễ I	Cầu Vằng Mười	150	90	90
5	Đoạn 5	Cầu Vằng Mười	Đầu cầu cứng	450	270	270
6	Đoạn 6	Đầu cầu cứng	Hết địa phận xã Trần Phú	150	90	90
	Trục phụ					
1		QL 3B vào	Cổng xây Quan Làng (trường tiểu học Hữu Thác)	100	60	60
2		Cổng xây Quan Làng	Suối Phai Cốc Lôm	80	48	48
3		Đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở	Hết đất trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trần Phú	80	48	48
4		Ngã ba (QL3B) Cư Lễ	Cầu Pác Ban (Văn Minh)	70	42	42
5		Cầu treo Hát Sao	Cổng cạnh nhà ông Hỷ	70	42	42
II	Quốc lộ 279					
1	Đoạn 1	Ngã ba QL3B	Cổng Sọ Ngù (đường đi Lạng Sơn)	320	192	192
2	Đoạn 2	Cổng Sọ Ngù	Cổng của Vằng Héo	150	90	90
3	Đoạn 3	Cổng của Vằng Héo	Hết đất xã Cư Lễ cũ (giáp Lạng Sơn)	100	60	60
III	Đường tỉnh 256					
1	Hai đầu cầu cứng Trần Phú xuống ngầm			90	54	54
2		Đường 256 đoạn từ cầu Pác A	Hết đất xã Trần Phú	90	54	54
3		Đường 256 vào thôn Khuổi A (cũ)	Đường rẽ vào nhà ông Chấn	80	48	48
4		Đường liên thôn Nà Liềng, Nà Đẩu, Nà Coòng từ nhà bà Len, thôn Nà Liềng	Cổng dưới nhà ông Kiểm, thôn Nà Coòng	80	48	48
IV	Các tuyến đường khác					
1		Giáp đất Lam Sơn (cũ)	Giáp ranh xã Lương Thành (cũ)	70	42	42
2	Các đường còn lại			60	36	36

86. Xã Xuân Dương

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường tỉnh 256					
1	Đoạn 1	Cầu Cốc Càng đi xã Côn Minh (Dương Sơn cũ)	Hết đất xã Xuân Dương	200	120	120
2	Đoạn 2	Cầu Cốc Càng	Hết nhà cửa hàng vật tư	800	480	480
3	Đoạn 3	Cửa hàng vật tư	Ngã ba Nà Dăm rẽ đường 256B +200m	200	120	120
4	Đoạn 4	Ngã ba Nà Dăm rẽ đường 256B +200m	Khuổi Mừn (giáp đất xã Liêm Thủy cũ)	300	180	180
5	Đoạn 5	Cầu Khuổi Mừn	Cầu Khuổi Kim	100	60	60
6	Đoạn 6	Cầu Khuổi Kim	Xã Yên Bình	80	48	48
	Trục phụ					
1		Tuyến từ ĐT256	Vàng Đông gặp tuyến ĐT256B (thôn Khuổi Táy)	80	48	48
II	Đường tỉnh 256B					
1	Đoạn 1	Đường tỉnh 256 thôn Nà Dăm	Hết đất thôn Nà Tuồng (hết đất xã Xuân Dương), giáp đất tỉnh Lạng Sơn	200	120	120
2	Đoạn 2	Ngã ba đường tỉnh ĐT 256 thôn Khu Chợ	Hết đất thôn Bắc Sen	200	120	120
4	Đoạn 3	Hết đất thôn Bắc Sen	Km 14+500 tuyến đường 256B	120	72	72
5	Đoạn 4	Km 14+500 tuyến đường 256B	Ngã ba đi thôn Nà Thác	90	54	54
6	Đoạn 5	Ngã ba đi thôn Nà Thác	Hết đất xã Xuân Dương (Đồng Xá cũ)	80	48	48
	Trục phụ					
1		Ngã ba thuộc tuyến đường ĐT256B đi Nà Thác	Ngã ba đường rẽ trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Xá	100	60	60
2		Ngã ba đi trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Xá	Cầu tràn (thôn Nà Khanh) (thuộc tuyến đường 256B đi Nà Thác)	80	48	48
3		Cầu tràn (thôn Nà Khanh)	Cầu tràn thôn Nà Thác (thuộc tuyến đường 256B đi Nà Thác)	70	42	42
4		Ngã ba tuyến đường 256B đi Nà Thác	Cổng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Xá	70	42	42
III	Các đường còn lại					
1	Các trục đường liên thôn thuộc xã Xuân Dương cũ			100	60	60
2	Các đường còn lại			60	36	36

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục đường QL3C					
1	Đoạn 1	Từ đường lên trường tiểu học và THCS xã	Km 101+420 (QL3C)	1.250	750	750
2	Đoạn 2	Km 101+420 (QL3C)	Hết đất xã Nam Cường giáp xã Ba Bể	800	480	480
3	Đoạn 3	Từ đường lên trường tiểu học và THCS xã	Khe Lũng Vài	800	480	480
4	Đoạn 4	Từ trục đường QL3C đường rẽ thôn Bản Cháy	Đến đầu Nà Đồn	550	330	330
5	Đoạn 5	Từ cổng khe Bó Hu	Đến hết Cây xăng (xã Đồng Lạc cũ)	500	300	300
6	Đoạn 6	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên		450	270	270
II	Đường liên xã					
1	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc cũ	Từ đập tràn đầu thôn Bản Ổ	Đến đập tràn Nà Lộc	220	132	132
2	Từ tiếp giáp đường Đồng Lạc - Xuân Lạc kết nối đường Thành phố Bắc Kạn-hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	Đường Thành phố Bắc Kạn-hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	220	132	132
3	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			170	102	102
III	Tuyến đường Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang			350	210	210
IV	Khu dân cư tập trung thiên tai cấp bách tại thôn Nà Áng, Nà Pha, Nà Dầu			300	180	180
V	Các đường còn lại			110	66	66

88. Xã Quảng Bạch

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục đường QL3C					
1	Đoạn 1	Trung tâm các chợ xã, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có trục đường đi qua	Khoảng cách 200m đi về hai phía	580	348	348
2	Đoạn 2	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên		360	216	216
II	Các trục đường liên xã					
1	Đường từ ĐT254 (3C) vào Trụ sở UBND xã Tân Lập cũ	ĐT254 (QL3C)	Trụ sở UBND xã Tân Lập cũ	150	90	90
2	Đường liên xã Quảng Bạch - Yên Thịnh (xã Bản Thi cũ)			110	66	66
3	Đường liên xã Quảng Bạch - Đồng Phúc (xã Bằng Phúc cũ)					
3.1	Đoạn 1	Từ đầu đường liên xã	Đến cầu Trần khe Khuổi Eng)	130	78	78
3.2	Đoạn 2	Cầu Trần khe Khuổi Eng	đến hết đất xã Quảng Bạch, giáp xã Đồng Phúc	110	66	66
4	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			115	69	69
III	Các đường còn lại			100	60	60

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục đường Quốc lộ 3B (Địa phận xã Yên Thịnh) và trục đường ĐT255B					
1	Đoạn 1	Đường QL3B, đoạn Từ ngã ba Ba Bò (nhà ông Triệu Văn Trọng)	Đến Nhà Văn hóa thôn Tân Minh 2 (thôn Bản Bấy cũ), xã Yên Thịnh	350	210	210
2	Đoạn 2	Đường QL3B, đoạn Từ Trạm Y tế xã Yên Thịnh (cũ)	Đến đầu cầu treo Bản Cậu, xã Yên Thịnh	600	360	360
3	Đoạn 3	Đường ĐT 255B qua thôn Tân Minh 1, xã Yên Thịnh		200	120	120
4	Đoạn 4	Đường QL3B, Từ Trạm Y tế xã Yên Thịnh (cũ)	Đến hết đất nhà ông Nông Văn Tỵ thôn Nà Đô	350	210	210
5	Đoạn 5	Đường QL3B, Từ cầu treo Bản Cậu	Đến hết đất Yên Thịnh	300	180	180
6	Đoạn 6	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên		300	180	180
II	Các trục đường liên xã					
1	Đường liên thôn Tân Minh 3 - Tân Thịnh, xã Yên Thịnh	Toàn tuyến		200	120	120
2	Trục đường liên xã Yên Thịnh - Quảng Bạch	Đoạn từ ngã ba cầu Trần Bản Cậu	Đến hết đất nhà bà Đàm Thị Sinh thôn Hợp Tiến	300	180	180
3	Trục đường liên xã Yên Thịnh - Quảng Bạch	Đoạn hết đất nhà bà Đàm Thị Sinh thôn Hợp Tiến	Đến hết địa phận xã Yên Thịnh	200	120	120
4	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			150	90	90
III	Các đường còn lại			110	66	66

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục đường QL3C (xã Nghĩa Tá)					
1	Đoạn 1	Trung tâm các chợ xã, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có trục đường đi qua khoảng cách 200m đi về hai phía; từ đường rẽ vào trường Trung học phổ thông Bình Trung đi về phía xã Chợ Đồn 200m	Khoảng cách 200m đi về hai phía	900	540	540
2	Đoạn 2	Khu tái định cư trường Trung học phổ thông Bình Trung		850	510	510
3	Đoạn 3	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên		400	240	240
II	Đường ĐT254B					
3	Đoạn 1	Đường ĐT254B đoạn từ ngã ba Kiểm lâm Bình Trung	Đến hết đất xã Nghĩa Tá, giáp xã Yên Phong	350	210	210
III	Các trục đường liên xã					
1	Trụ sở, chợ xã Lương Bằng cũ có khoảng cách 200m về hai phía	Trụ sở, chợ xã Lương Bằng cũ	Khoảng cách 200m về hai phía	400	240	240
2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			150	90	90
IV	Các tuyến đường khác					
1	QL3C Nghĩa Tá - Yên Phong (đường bản Ca - Phong Huân cũ)	Toàn tuyến		200	120	120
2	QL3C Nghĩa Tá - Chợ Đồn (tuyến Nghĩa Tá - Phong Huân cũ)	Toàn tuyến		200	120	120
3	Từ ngã ba QL3C đến ngã ba đường đi Búc Duộng	Ngã ba QL3C	Ngã ba đường đi Búc Duộng	400	240	240
4	Đường từ QL3C Nghĩa Tá đến Nhà máy Giấy Bình Trung	QL3C Nghĩa Tá	Nhà máy Giấy Bình Trung	400	240	240
5	Từ ngã ba thôn Tham Thầu đến chợ Pác Be	Ngã ba thôn Tham Thầu	Chợ Pác Be	400	240	240
6	Đường từ ngã ba Búc Duộng đi xã Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang	Ngã ba Búc Duộng	Hết địa phận xã Nghĩa Tá, giáp xã Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang	200	120	120
V	Các đường còn lại			110	66	66

91. Xã Chợ Đồn

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Đường Quốc lộ 3C					
1	Đoạn 1	Ngã ba Kiểm lâm (nhà ông Phạm Văn Dịu, nhà ông Lê Quang Thiết)	Ngã tư Khách sạn Đức Mạnh	8.000	4.800	4.800
2	Đoạn 2	Tiếp ngã tư Khách sạn Đức Mạnh đến	Ngã ba đường rẽ lên Trường THCS Bằng Lũng	7.500	4.500	4.500
3	Đoạn 3	Ngã ba đường rẽ lên Trường THCS Bằng Lũng	Cổng tiêu Cây xăng thôn 9	5.000	3.000	3.000
4	Đoạn 4	Cây xăng thôn 9	Cổng tràn thôn 10	3.000	1.800	1.800
5	Đoạn 5	Sau cổng tràn thôn 10	Hết Cửa hàng xăng dầu D&T 02	2.800	1.680	1.680
6	Đoạn 6	Cây xăng Ngọc Phái	Khe Tát Ma	1.000	600	600
7	Đoạn 7	Khe Tát Ma	Hết đất xã Chợ Đồn	500	300	300
8	Đoạn 8	Ngã ba Kiểm lâm (ranh giới nhà ông Phạm Văn Dịu)	Hết nhà ông Hoàng Văn Lương	6.500	3.900	3.900
9	Đoạn 9	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Lương	Đường rẽ đi Khu C	3.500	2.100	2.100
10	Đoạn 10	Đường rẽ đi Khu C	Hết đất trụ sở Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn (khu vực Lũng Váng)	1.500	900	900
11	Đoạn 11	Hết đất trụ sở Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn (khu vực Lũng Váng)	Hết đất xã Chợ Đồn	500	300	300
	Trục phụ					
1	Đường từ QL3C rẽ vào thôn 6 (từ sau Khách sạn Đức Mạnh) đến hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	QL3C rẽ vào thôn 6 (từ sau Khách sạn Đức Mạnh)	Hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	3.800	2.280	2.280
2	Các tuyến đường trong khu dân cư tự xây (Xưởng nông vụ và Khu lương thực cũ)			2.900	1.740	1.740
3	Đường từ nhà bà Thập Đoạt đến hết nhà ông Đỗ Đức Quảng	Nhà bà Thập Đoạt	Hết nhà ông Đỗ Đức Quảng	3.200	1.920	1.920
4	Từ tiếp đất nhà bà Trần Thị Chuyên đến Mỏ nước	Tiếp đất nhà bà Trần Thị Chuyên	Mỏ nước	2.500	1.500	1.500
5	Đường rẽ từ QL3C đến ngã ba bản Tân					
5.1	Đoạn 1	Đất nhà bà Lục Thị Toán	Hết đất nhà ông La Văn Siu	6.000	3.600	3.600
5.2	Đoạn 2	Đất nhà bà Trần Thị Chuyên	Đầu đường rẽ vào Khu dân cư thôn 7	4.500	2.700	2.700

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
5.3	Đoạn 3	Đoạn từ tiếp sau đầu đường rẽ Khu dân cư thôn 7	Hết đất nhà bà Đàm Thị Sơn	2.200	1.320	1.320
5.4	Đoạn 4	Tiếp đất nhà bà Đàm Thị Sơn	Ngã ba Bàn Tàn	1.200	720	720
6	Đường từ hết đất Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Chợ Đồn đến đất Trường Mầm non Bằng Lũng	Từ hết đất Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên - chi nhánh Chợ Đồn	Đất Trường Mầm non Bằng Lũng	2.800	1.680	1.680
7	Đường từ ngã ba Ban Quản lý dự án huyện Chợ Đồn cũ đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm, sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	Ngã ba Ban Quản lý dự án huyện Chợ Đồn cũ	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm, sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	2.200	1.320	1.320
8	Đường phía sau Trụ sở Công an xã Chợ Đồn			2.800	1.680	1.680
9	Đoạn đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn Bằng Lũng					
9.1	Đoạn 1	Từ cách lộ giới QL3C 20m	Ngã ba rẽ vào Trường THCS Hoàng Văn Thụ	2.200	1.320	1.320
9.2	Đoạn 2	Từ ngã ba rẽ vào Trường THCS Hoàng Văn Thụ	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	1.600	960	960
10	Đầu đường rẽ lên Trung tâm văn hoá đến Trường mầm non Bằng Lũng	Đầu đường rẽ lên Trung tâm văn hoá	Trường mầm non Bằng Lũng	2.800	1.680	1.680
11	Đường phía sau chợ Bằng Lũng	Từ thửa đất số 202 Ông Vũ Ngọc khánh	Hết đất ông mạch Văn Dũng	5.500	3.300	3.300
12	Đường phía Nam chợ Bằng Lũng	Từ cách lộ giới QL3C 20m	Đường phía sau chợ	5.000	3.000	3.000
13	Các đường dân sinh có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 2m (địa bàn thị trấn Bằng Lũng cũ)			1.300	780	780
14	Các đường dân sinh có mặt đường nhỏ hơn 2m (địa bàn thị trấn Bằng Lũng cũ)			700	420	420
15	Từ ngã ba Vật tư cách lộ giới ĐT254 20m đến Trường Dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cự	Ngã ba Vật tư cách lộ giới QL3C 20m	Hết đất Trường Dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cự	3.000	1.800	1.800
16	Từ ngã ba Kẹm Trinh đến hết đất nhà ông Phùng Văn Hương, thôn Bàn Duồng	Ngã ba Kẹm Trinh	Hết đất nhà ông Phùng Văn Hương, thôn Bàn Duồng	1.600	960	960
17	Từ tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hương hết đất xã Chợ Đồn	Tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hương	Hết đất xã Chợ Đồn	800	480	480
18	Khu tái định cư thôn Phiêng Liềng			400	240	240
II	Đường Quốc lộ 3B đoạn từ ngã ba Kiểm lâm đi phường Bắc					

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	Kạn (đọc hai bên đường)					
1	Đoạn 1	Ngã tư Ngân hàng BIDV	Hết ngã ba Bệnh viện Chợ Đồn (hết đất nhà ông Phan Ngọc Tuấn)	8.000	4.800	4.800
2	Đoạn 2	Ngã ba Kiểm lâm (tiếp nhà ông Lê Quang Thiết)	Ngã ba đường rẽ vào khu dân cư thôn 1	5.500	3.300	3.300
3	Đoạn 3	Đoạn từ tiếp sau Ngã ba đường rẽ vào khu dân cư thôn 1	Đến hết đỉnh đèo Kéo Càng (vị trí Trạm Cấp nước)	2.800	1.680	1.680
4	Đoạn 4	Đoạn từ tiếp sau Đỉnh đèo Kéo Càng (vị trí Trạm Cấp nước)	Đỉnh đèo Kéo Phay	1.200	720	720
5	Đoạn 5	Đỉnh đèo Kéo Phay	Đường rẽ vào Khuổi Muối (thôn Nà Quân)	300	180	180
6	Đoạn 6	Đường rẽ vào Khuổi Muối (thôn Nà Quân)	Đất nhà bà Thu ngã 3 đi Đồng Phúc	600	360	360
7	Đoạn 7	Ngã ba đường rẽ đi xã Đồng Phúc	Đường lên Trạm y tế xã Phương Viên cũ	900	540	540
8	Đoạn 8	Đường lên Trạm y tế Phương Viên cũ	Cổng tràn Nà Dao	600	360	360
9	Đoạn 9	Cổng tràn Nà Dao	Hết đất xã Chợ Đồn	300	180	180
	Trục phụ					
	Đường bên cạnh và phía sau chợ Phương Viên			500	300	300
IV	Tuyến đường ĐT254 đoạn	Từ ngã ba thôn Nà Tùm	Đến ngã ba thôn Bản Tàn	1.000	600	600
V	Trục đường Quốc lộ 3B (đi xã Yên Thịnh)					
1	Đoạn 1	Đường rẽ đi Ba Bò	Đất vườn rừng nhà ông Nông Văn Trường xã Chợ Đồn (xã Ngọc Phái cũ)	600	360	360
2	Đoạn 2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên		350	210	210
VI	Khu dân cư tại Tổ 1, thị trấn Bằng Lũng cũ thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị tại Tổ 1 và Tổ 2A, thị trấn Bằng Lũng cũ (đợt 01)			3.500	2.100	2.100
VII	Các trục đường liên xã					
1	Đường Chợ Đồn (địa phận xã Phương Viên cũ) - Đồng Phúc ĐT257B					
1.1	Đoạn 1	Ngã ba ĐT257 đi Đồng Phúc	Cầu Nà Bjoóc	700	420	420
1.2	Đoạn 2	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phương	Khoảng cách 100m đi về hai	400	240	240

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		Viên cũ	phía			
1.3	Đoạn 3	Các vị trí khác chưa nêu ở trên		200	120	120
2	QL3C Chợ Đồn (địa phận xã Bằng Lăng cũ) - Yên Phong	Toàn tuyến		200	120	120
3	QL3C Chợ Đồn (địa phận xã Bằng Lăng cũ) - Nghĩa Tá	Toàn tuyến		200	120	120
4	QL3C cầu Nà Trạo (địa phận xã Bằng Lăng cũ) - Khu C	Toàn tuyến		200	120	120
5	QL3C Chợ Đồn (địa phận xã Bằng Lăng cũ) lên thôn Bản Tân đoạn qua thôn Liên Thủy	Toàn tuyến		600	360	360
6	QL3C Chợ Đồn đi thôn Liên Minh (Bản Nhì cũ) sang xã Yên Phong	Toàn tuyến		200	120	120
7	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			150	90	90
IX	Các đường còn lại thuộc thị trấn Bằng Lũng cũ chưa nêu ở trên			500	300	300
X	Các đường còn lại			110	66	66

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất PNN, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
I	Trục đường ĐT254B (xã Yên Phong)					
1	Đoạn 1	Cổng trường mầm non Yên Phong	Qua cổng trường TH&THCS 100m	700	420	420
2	Đoạn 2	Qua đường rẽ vào thôn Nà Giở cũ 50m	Đường rẽ đi 259B	400	240	240
3	Đoạn 3	Cổng chợ Đại Sảo	Ngã ba rẽ đường đi xã Chợ Đồn	400	240	240
4	Đoạn 4	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên		250	150	150
II	Trục đường ĐT259B (xã Yên Phong đi xã Thanh Mai)					
1	Đoạn 1	Ngã ba Yên Mỹ	Đến đường rẽ sang Trường TH&THCS Yên Mỹ	250	150	150
2	Đoạn 2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên		200	120	120
II	Các trục đường liên xã					
1	Đường Chợ Đồn - Yên Phong (từ ngã 3 thôn Trung Tâm đi Kéo Cún)	Từ ngã 3 thôn Trung Tâm	Đi Kéo Cún	200	120	120
2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên			150	90	90
III	Các tuyến đường khác					
1	Từ nhà ông Ma Văn Khôi đến hết nhà ông Tạ Tất Huyền (đoạn nối từ đường 254B qua chợ xã Yên Phong)	Đường 254B	Qua chợ xã Yên Phong 100m	600	360	360
2	Đường từ nhà ông Tạ Tất Huyền qua Ót Cáy nối vào đường Chợ Đồn - Yên Phong	Qua chợ xã Yên Phong 100m đi Ót Cáy	Nối vào đường Chợ Đồn - Yên Phong	200	120	120
3	QL3C Chợ Đồn đi Bản Cưa sang xã Yên Phong	QL3C Chợ Đồn đi Bản Cưa	Sang xã Yên Phong	200	120	120
4	QL3C Nghĩa Tá - Yên Phong (đường Bản Ca)	QL3C Nghĩa Tá	Xã Yên Phong (đường Bản Ca)	200	120	120
5	QL3C Chợ Đồn đi Bản Nhì sang xã Yên Phong (từ Kéo Nhì đến Ót Cáy)	Từ Kéo Nhì	Ót Cáy	180	108	108
6	Đường từ ngã 3 Kéo Nhì sang đường 254B (tại thôn Bản Sáo)	Ngã 3 Kéo Nhì	Đường 254B (tại thôn Bản Sáo)	180	108	108
IV	Các đường còn lại			110	66	66